

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 53/2021/HSST

Ngày: 07/4/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy L

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1, Ông Phan Công N

2, Bà Trần Thị D

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ An T, cán bộ Tòa án nhân dân quận N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:*

Ông Bùi Hữu H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/HSST ngày 02/3/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2021/QĐXXST-HS, ngày 23/3/2021 đối với:

Bị cáo Nguyễn Hữu K, sinh năm 10/5/1994, tại Gia Lai

Đăng ký thường trú: Hùng Vương, thôn Mỹ Thạch 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Thiên Chúa; Cha Nguyễn Hữu N (1958) Mẹ Nguyễn Thị H (1959); anh chị em ruột có 03 người; bị cáo chưa vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 14/3/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chưa xóa án tích.

- Lần 2: Ngày 29/01/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị bắt ngày: 11/9/2020 (Có mặt).

- *Người bị hại:*

1. Bà Nguyễn Kim D SN 1977

2. Anh Trần Kiệt T SN: 2003

Địa chỉ: Trần Phú, phường C, quận N, TP Cần Thơ.

3. Lê Hữu Th SN: 1972

Địa chỉ: Ấp Long Thành, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: đường 3E, phường A, quận N, TP Cần Thơ.

(Những người bị hại có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Vĩnh T SN: 1969

Địa chỉ: Trần Phú, phường C, quận N, TP Cần Thơ. có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Thành S, SN: 1975

Địa chỉ: KV Phú Thuận, phường T, quận C, TP Cần Thơ. vắng mặt.

NỘI D V U Á N

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 10/9/2020, Nguyễn Hữu K một mình đi tìm tài sản để lấy trộm. Khoảng 19 giờ 30 phút, K đi vào hẻm 118 đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận N, khi đến số nhà 118/5 K phát hiện nhà có khóa cửa rào, nhưng cửa chính không khóa, trong nhà không có ai. K trèo qua hàng rào vào nhà, rồi đi thẳng lên lầu 2 tìm tài sản để lấy, nhưng không có. Lúc này em Trần Kiệt T xuống mở cửa cho chị D vào nhà, nên K chạy xuống lầu 1, chui vào gầm giường của em T trốn. Khoảng 30 phút sau T xuống nhà ăn tối, K chui ra khỏi gầm giường, đi qua phòng của chị D tìm tài sản để trộm cắp. Thấy trên bàn trang điểm của chị D có hộp nữ trang, bên trong có bông tai, nhẫn vàng. K chỉ lấy 03 chiếc nhẫn bỏ vào túi quần đang mặc, phía trước, bên phải, rồi quay trở vào phòng của em T chui xuống giường, chờ tất cả mọi người đi ngủ để tẩu thoát. K lấy 01 chiếc nhẫn đeo vào ngón tay út, bên phải. Còn thẻ ATM và giấy tờ trộm được trước đó nhét vào thanh giường của T. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, em T phát hiện K và tri hô lên, thì K chạy xuống tầng trệt tẩu thoát. Trong lúc tẩu thoát K có dùng chân đạp em T té xuống và dùng tay câu cổ, lôi em T ra cửa chính, mục đích là để cha mẹ em T để cho K chạy, nhưng cha mẹ em T lao vào không chế được K, sau đó báo công an phường Cái Khế lập biên bản tiếp nhận người bị bắt quả tang để xử lý.

Tang vật thu giữ: 01 nhẫn kim loại màu vàng, có đính hạt trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu đồng tiền xếp chồng lên nhau; 01 nhẫn kim loại màu vàng hình trái tim; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Mobell;

Chị Nguyễn Kim D, giao nộp các giấy tờ cá nhân mà bị cáo đã bỏ lại sau khi vào nhà lấy trộm tài sản.

Tại kết luận định giá tài sản số 886/KL-HĐĐG, ngày 14/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của UBND quận N, kết luận:

- 01 nhẫn vàng có đính hạt trắng, giá trị còn lại 1.681.280 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu đồng tiền xếp chồng lên nhau, giá trị còn lại là 1.800.300 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng hình trái tim là kim loại không có giá trị, nên không có cơ sở định giá; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt có thể định giá là 3.481.580 đồng.

Qua điều tra bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Ngoài ra bị cáo còn khai nhận, khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến khi bị bắt, bị cáo còn thực hiện:

- 01 vụ trộm cắp tại địa chỉ 19B đường 3E, phường An Khánh, quận N. Tài sản trộm được gồm 01 điện thoại di động Samsung J5; 01 điện thoại di động Samsung J7; tiền Việt Nam 500.000 đồng; 03 thẻ ATM; 01 CMND mang tên Lê Hữu Th; Sau khi lấy tài sản bị cáo bán 02 điện thoại di động được 2.000.000 đồng, tài sản không thu hồi được. Anh Th không cung cấp được hóa đơn chứng từ mua 02 điện thoại di động, đồng thời anh Th cũng không yêu cầu bị cáo trả lại giá trị tài sản, và số tiền bị mất chỉ yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị cáo khai bị hại ở quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;

- 01 vụ cướp giật tài sản tại quận Bình Thủy;

- 01 vụ cướp giật tài sản tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Những vụ án ngoài phạm vi thẩm quyền của Công an quận N, cơ quan điều tra đã gửi công văn về các đơn vị có liên quan để phối hợp điều tra, xử lý theo quy định.

Sau khi bị cáo bị bắt quả tang ngày 10/9/2020, bị cáo khai không đúng họ tên, địa chỉ, gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án.

Trách nhiệm dân sự:

- Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho chị D, chị D không có yêu cầu gì thêm.

- Em Trần Kiệt T chỉ bị xây xước ngoài da, nên từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Giấy CMND mang tên Lê Hữu Th đã trả lại cho anh Th. Anh Th không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 02 điện thoại di động và số tiền bị cáo đã lấy trộm.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Ware biển số 98K1-8528; cùng các giấy tờ đã thu giữ, cơ quan điều tra đã chuyển đến cơ quan điều tra Công an quận Bình Thủy giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT-VKSNK ngày 24/02/2021 Viện kiểm sát nhân dân quận N đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm đ, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật đối với bị cáo. Kiểm sát viên phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện. Phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản; Đề nghị áp dụng Điểm đ, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 46; 47 Luật Hình sự và 106 của Luật tố tụng hình sự ; Xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù giam.

Về vật chứng, và trách nhiệm dân sự đề nghị ghi nhận: Bị hại Nguyễn Kim D đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm; Trả lại cho anh Th 02 thẻ ATM mang tên anh Th và 01 thẻ tên Châu yến Ngọc (vợ anh Th).

Buộc bị cáo nộp lại 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính

Ghi nhận: 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Hồng Chuyên và 01 điện thoại di động hiệu Mobell liên quan đến vụ án khác, cơ quan điều tra công an quận N đang tạm giữ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Ware biếm số 98K1-8528; cùng các giấy tờ đã thu giữ kèm theo, cơ quan điều tra quận N đã chuyển đến cơ quan điều tra Công an quận Bình Thủy giải quyết theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận bản thân không có chỗ ở ổn định không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đúng như mô tả tại kết luận điều tra và nội D bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận N.

Cụ thể, bị cáo lợi dụng sơ hở của người bị hại, lén lút vào nhà tìm tài sản để trộm cắp. Bị cáo khai thực hiện 02 vụ trộm cắp trên địa bàn quận N. Tài sản trộm được của anh Lê Hữu Th là 500.000 đồng tiền mặt và 02 điện thoại di động, bị cáo khai bán 02 điện thoại được 2.000.000 đồng, nhưng không nhớ bán nơi nào, nên không thu hồi được; lần thứ hai bị cáo vào trộm tài sản của chị D thì bị bắt quả tang cùng tang vật. Khi bị cáo lấy xong tài sản của chị D thì bị em Trần Kiệt T phát hiện, bị cáo đã hành hung em T để tẩu thoát, nhưng đã bị cha mẹ em T là chị D và anh Thân không chế. Do thương tích không nặng nên em T từ chối giám định tỉ lệ thương tật. Tài sản bị cáo trộm của bị hại D, giá trị còn lại là 3.481.580 đồng. Về nhân thân, bị cáo có 02 tiền án về cùng hành vi cướp giật tài sản chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội khác đang trong quá trình điều tra xử lý. Cho thấy, bị cáo rất xem thường sức khỏe, tài sản của người khác và xem thường pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, không có nghề nghiệp, sống bằng tiền có được do thực hiện hành vi phạm tội mà có, nhưng đại diện viện kiểm sát không đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là có lợi cho bị cáo. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xác định, bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, theo điểm đ, g khoản 2 Điều 173 theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất vụ án, là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết về xã hội và pháp luật. Bị cáo biết rất rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu xài, bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4]. Xét về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vì vậy khi bị bắt bị cáo cố tình khai sai lệch nhân thân, gây khó khăn cho công tác điều tra, chỉ đến khi đối chiếu danh chỉ bản, bị cáo biết không thể che giấu nên mới thừa nhận nhân thân của mình. Cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém.

Tuy nhiên, bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội, và tự khai ra các lần phạm tội trước đó, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng vụ án: Chị Nguyễn Kim D đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

Các giấy tờ cá nhân mà Chị Nguyễn Kim D, giao nộp sau khi phát hiện bị cáo đã bỏ lại gồm: 01 thẻ ATM Agribank số 9704050701240694 và 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Sài Gòn số 9303147057153 mang tên Lê Hữu Th; 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Sài Gòn số 9304446057144 mang tên Châu Yến Ngọc (vợ của anh Th) là tài sản của anh Lê Hữu Th và vợ, nên trả lại cho anh Th.

01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Hồng Chuyên và 01 điện thoại di động hiệu Mobell liên quan đến vụ án khác, cơ quan điều tra công an quận N đang tạm giữ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Ware biểm số 98K1-8528; cùng các giấy tờ đã thu giữ kèm theo, cơ quan điều tra quận N đã chuyển đến cơ quan điều tra Công an quận Bình Thủy giải quyết theo thẩm quyền. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Kim D, em Trần Kiệt T và anh Lê Hữu Th không yêu cầu bị cáo bồi thường. Không ai yêu cầu bị cáo về phân trách nhiệm dân sự trong vụ án nên hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo nộp lại 2.000.000 đồng, tiền thu lợi từ việc bán 02 điện thoại di động đã trộm được của anh Lê Hữu Th sung ngân sách nhà nước.

Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của: Anh Lê Hữu Th, là bị hại trong vụ án; Chị Trần Thị Quỳnh Giao, không phải là người có liên quan trong vụ án.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và những người có liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm đ, g khoản 2 Điều 173, Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố Tụng Hình sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu K 04 (bốn) năm tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 11/9/2020.

Trả lại cho anh Lê Hữu Th: 01 thẻ ATM Agribank số 9704050701240694 và 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Sài Gòn số 9303147057153 mang tên Lê Hữu Th; 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Sài Gòn số 9304446057144 mang tên Châu Yến Ngọc. *(các vật chứng trên được tạm giữ tại cơ quan thi hành án quận N, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/3/2021).*

Bị cáo phải nộp lại 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án TP Cần Thơ;
- Công an TP Cần Thơ;
- Viện kiểm sát TP Cần Thơ;
- Viện kiểm sát Q. N;
- Công an Q. N;
- Thi hành án DS Q. N;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy L